

Bản án số: **201/2024/DS-ST**

Ngày: 23 – 12 - 2024

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Đạo

2. Ông Đặng Hoàng Mích

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 323/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên Tòa số: 247/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Nguyễn Thị B**, sinh ngày 28/3/1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện B, tỉnh T.

- Bị đơn: **Đặng Thị Nhị H**, sinh năm: 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/8/2023, bản tự khai 27/8/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Ngày 16/12/2021 âm lịch, bà có cho bà Đặng Thị Nhị H là chỗ quen biết vay số tiền 20.000.000 đồng và ngày 19/12/2021 âm lịch cho bà H vay tiếp số tiền 7.000.000 đồng. Cả 02 lần vay tiền bà H đều có viết giấy tay và ký tên mượn tiền. Vay không có thỏa thuận lãi suất và không có ấn định thời hạn trả nợ. Số tiền vay này đến nay bà H chưa trả, bà đã nhiều lần đòi nợ nhưng bà H đều né tránh không trả tiền.

Nay nguyên đơn bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Đặng Thị Nhị H phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vốn vay 27.000.000 đồng và tiền lãi suất 1,75%/tháng tính từ tháng 12/2021 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 02/12/2024.

* Bị đơn bà Đặng Thị Nhị H các lần Tòa án triệu tập hòa giải, xét xử đến lần thứ hai đều vắng mặt nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 02/12/2024. Bị đơn bà Đặng Thị Nhị H đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải, xét xử đến lần thứ 2 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Đơn khởi kiện của nguyên đơn ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn bà H đúng với giấy tay vay tiền (Bút lục số 17) do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn bà B, bị đơn bà Đặng Thị Nhị H là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[2] Đơn khởi kiện nguyên đơn bà Biền chỉ khởi kiện yêu cầu một mình bà Đặng Thị Nhị H trả nợ vay nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét theo phạm vi đơn khởi kiện và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B yêu cầu bị đơn bà Đặng Thị Nhị H phải trả số tiền nợ vay 27.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào giấy tay vay tiền (Bút lục số 17) do nguyên đơn cung cấp đã thể hiện rõ số tiền bị đơn bà H có vay bà B 02 lần tiền số tiền là 27.000.000 đồng, có chữ ký, chữ viết của người vay là bà Đặng Thị Nhị H. Do đó, Hội đồng xét xử khẳng định giữa nguyên đơn bà B và bà H có quan hệ giao dịch vay tiền, bà B không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Số tiền vay 27.000.000 đồng hiện nay bà H chưa trả cho bà B là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Bà H không có ý kiến phản hồi đối với tiền nợ vay mà nguyên đơn đã khởi kiện. Do đó, bà B khởi kiện yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ trả số tiền vay 27.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu trả lãi suất 1,75%/tháng tính từ tháng 12/2021 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/12/2024 của nguyên đơn bà B. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ lúc nhận tiền vay đến nay phía bị đơn bà H không có trả vốn, trả tiền lãi suất, hợp đồng thỏa thuận không có ghi lãi suất. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất phải trả là 0,83%/tháng là phù hợp. Về thời gian yêu cầu trả lãi suất, phía nguyên đơn yêu cầu tính từ tháng

12/2021 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/12/2024 là chưa phù hợp vì giấy vay tiền giữa các bên không có ấn định thời hạn trả tiền vay. Do đó, thời gian phải trả lãi suất tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án là ngày 09/5/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/12/2024 là phù hợp và yêu cầu phải trả là đúng quy định. Số tiền lãi suất bà Đặng Thị Nhị H phải trả cho nguyên đơn bà B được tính như sau:

$27.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 07 \text{ tháng} 14 \text{ ngày} = 1.673.300 \text{ đồng}.$

[3] Tổng cộng tiền vốn gốc và lãi suất phải trả cho nguyên đơn là 28.673.300 đồng (Gồm tiền vốn gốc 27.000.000 đồng, tiền lãi suất 1.673.300 đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà B được chấp nhận toàn bộ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn bà H phải chịu án phí số tiền là: $28.673.300 \text{ đồng} \times 5\% = 1.433.700 \text{ đồng}$ (Một triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 5, 92; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 233, 238; điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B đối với bị đơn bà Đặng Thị Nhị H.

2. Buộc bà Đặng Thị Nhị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền vay 28.673.300 đồng (Hai mươi tám triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm đồng) (Gồm tiền vốn gốc 27.000.000 đồng, tiền lãi suất 1.673.300 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Đặng Thị Nhị H phải chịu 1.433.700 đồng (Một triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm đồng).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị B 911.250 đồng (Chín trăm mười một nghìn hai trăm năm mươi đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005716 ngày 09/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên Tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (*Phòng KTNV&THA*);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương